

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 10 - 2022
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tư

Bà Huỳnh Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: (Không tham gia)

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/8/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1963 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà A, đường Đ, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long

- Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà A, đường Đ, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà L và ông Võ Văn T đăng ký kết hôn ngày 24/7/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vinh Long. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm do ông T thiếu sự quan tâm đến gia đình. Bà L nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, yêu cầu ly hôn với ông T.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Chí T, sinh ngày 11/6/1986; Võ Minh T, sinh ngày 26/12/2002 đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bà L có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt bà Loan trong quá trình tiến hành tố tụng cùng các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm.

Đối với bị đơn Võ Văn T: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông T gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên hòa giải được do ông T vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L là người có quyền khởi kiện ông T tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà L và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 24/7/2006. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn theo nguyên đơn xác định do thiếu sự quan tâm của ông T đến gia đình nên bà L yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà L, ông T không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn tình cảm thương yêu, không mong muốn chung sống cùng nhau. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh theo bà L trình bày từ năm 2020 nhưng hai bên không tìm ra được giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc ly hôn với ông T.

[3] Hai con chung tên Võ Chí T, sinh ngày 11/6/1986; Võ Minh T, sinh ngày 26/12/2002 đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Án phí: Buộc bà L nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

- Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Võ Văn T ly hôn với nhau.

- Về con chung: Hai con chung tên Võ Chí T, sinh ngày 11/6/1986; Võ Minh T, sinh ngày 26/12/2002 đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số No 0001433 ngày 18/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên bà Nguyễn Thị Kim L không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- UBND xã T, huyện V, VL: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

